

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 16 – 8 – 2019  
“ *V/v Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.

2/ Ông Huỳnh Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXX - ST ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Huyền T** – sinh năm: 1989 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã T.N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T.K, xã H.P, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:**

**- Về mối quan hệ hôn nhân:** Chị và anh S hôn nhân hình thành là do mai mối, có tổ chức lễ cưới năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.P vào ngày 01/10/2011. Sau ngày cưới chị sống bên gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chị với mẹ chồng có mâu thuẫn, đến năm 2016 khi anh S nghỉ sửa xe ngoài chợ dời về nhà làm thì chị và anh S phát sinh mâu thuẫn, chị và anh S hay cự cãi và bất đồng quan điểm. Anh S là người chồng vô tâm không biết quan tâm chăm sóc vợ, giữa chị và anh S không có sự đồng cảm trong mối quan hệ vợ chồng, chị cố gắng chịu đựng và khuyên can anh S thay đổi nhưng

anh S vẫn không hiểu được tâm tư nguyện vọng của chị nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Từ ngày chị đưa đơn khởi kiện đến nay anh S không có đến thăm chị và cũng không năn nỉ chị để vợ chồng về đoàn tụ.

Nay chị thấy tình cảm với anh S đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- *Về con chung*: Chị và anh S không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả*: Chị và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* ***Bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày***: Anh và chị T hôn nhân hình thành là do mai mối có tổ chức đám cưới năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.P vào ngày 01/10/2011. Sau ngày cưới thì chị T về sống bên gia đình anh. Nguyên nhân gây mâu thuẫn như lời chị T trình bày là không đúng, theo anh thì anh và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng phải ly hôn, anh và chị T đôi khi cũng có cự cãi, anh và chị T chỉ sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương chị T anh yêu cầu được đoàn tụ.

Từ ngày chị T đưa đơn xin ly hôn đến nay anh có không có đến rước chị T về do chị Tg không cho anh xuống nhà. Hơn nữa cha mẹ chị T nói xấu anh nên anh không xuống rước chị T về được.

- *Về con chung*: Anh và chị T không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả*: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án gồm*: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

- *Bị đơn đã nộp*: Bảng khai ý kiến; Chứng minh nhân dân; Đơn xin xác nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Thanh S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị T, anh S chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh S là người chồng vô tâm không quan tâm chị Trang. Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay.

Tại xác nhận của bà Lư Thị T là phụ nữ ấp T.K, chị Lê Ngọc G, bà Trần Ngọc A, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ Q, chị Đặng Thị Ngọc V là những người gần nhà anh xác nhận không nghe thấy chị T và anh S có mâu thuẫn gì.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã kéo dài, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị T khẳng định không còn tình cảm với anh S không thể nào tiếp tục chung sống với anh S được. Anh S yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương thức nào để vợ chồng về đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T anh S thống nhất xác định anh chị không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh S thống nhất xác định anh chị không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*:

+ Buộc chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0009949 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Nguyễn Thanh S không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quế Hương**